

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA
PHẨM PHỔ MÔN - BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM

Tập 6

Hoa Tạng Đồ Thư Quán, Cảnh Mỹ, [Đài Bắc], Đài Loan

Bài giảng thứ sáu - Tháng 12 năm 1983

Số lưu trữ: 08-004-0006

Hòa Thượng Tịnh Không chủ giảng

(Nguyễn Minh Tiến dịch)

Mời quý vị mở [sách Pháp Hoa Kinh Đại Thành, quyển hạ], trang 811, hàng thứ 5 từ bên trái sang, tiêu mục [thứ tư] là “Thoát nạn vua”. Mời quý vị xem kinh văn:

“Nếu có người sắp bị giết hại, xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm thì đao gãy kẻ kia tự nhiên gãy nát, liền được giải thoát.”

Pháp sư Đại Nghĩa trong phần chú giải nói: “Kinh nói ‘dao gãy tự nhiên gãy nát’, là thời xưa kia dùng hình phạt, nếu không dùng đao ắt phải dùng gậy, gậy thì phần nhiều được làm bằng cây gỗ”. Pháp sư giảng rõ, tức là giải thích về người nắm giữ những công cụ giết hại như đao gãy, “đánh tới liền gãy, đánh cái nào gãy cái đó, đó là hiển lộ sức mạnh cứu khổ của Đại sĩ Quán Âm”. Những sự việc như vậy là thật có, chẳng phải không có, nhưng cũng thật là hết sức khó tin.

Thần lực như thế này của Bồ Tát Quán Thế Âm do đâu mà có? Trong kinh Lăng Nghiêm có nói. Dưới đây trích dẫn lời dạy từ kinh Lăng Nghiêm:

“Thứ năm là huân tập thành tựu tánh nghe, sáu căn ẩn mắt đồng vào tánh nghe, khiến cho chúng sanh khi sắp bị hại, đao gãy từng đoạn, binh khí chạm thân như cắt vào nước, như thổi ánh sáng, bản tánh không hề dao động.”

Ở đây tôi sẽ giải thích qua một cách sơ lược mấy câu kinh văn trong kinh Lăng Nghiêm. Đây là nói về công đức không thể nghĩ bàn của bậc Đại sĩ, tức là Bồ Tát Quán Thế Âm, khi “xoay cái nghe vào soi chiếu tự tánh, lấy sự tỉnh giác huân tập bên trong”. Chúng ta sở dĩ nghi ngờ những việc như trên là vì không hiểu được năng lực của việc “xoay cái nghe vào để nghe tự tánh” lớn lao như thế nào, chúng ta không thể nào suy lường được điều đó.

Trong kinh này lại nói về nhất tâm xưng danh. Công đức của nhất tâm là không thể nghĩ bàn. Nhất tâm cũng chính là tâm chí thành được giảng trong kinh Quán Vô Lượng Thọ. Đức Khổng Tử trong Kinh Dịch cũng dạy chúng ta rằng, tâm chí thành thì có thể giao tiếp được với quỷ thần. Hiểu theo nghĩa ở đây tức là

tâm chí thành có thể cảm ứng tương giao với chư Phật, Bồ Tát; tâm chí thành có thể cảm ứng tương giao với thượng đế, thượng đế là có thật, chẳng phải không. Tâm chí thành có thể cảm ứng tương giao với quỷ thần; tâm chí thành có thể cảm ứng tương giao với tất cả chúng sinh. Trong kinh nói “nhất tâm” chính là tâm chí thành.

Trong sự tu học Phật pháp, tuy nói rất nhiều pháp môn nhưng đó chỉ là phương pháp, cách thức khác nhau thôi, mục đích cuối cùng đều là để đạt đến sự nhất tâm, không loạn động. Trong Thiền tông nói “thấy tánh sáng tâm”, trong giáo môn nói “khai mở hoàn toàn, thấu hiểu trọn vẹn”, so với trong pháp môn Tịnh độ nói “nhất tâm không loạn động” chính là cùng một cảnh giới. Chỉ là dùng tên gọi khác nhau thôi, cảnh giới thì hoàn toàn tương đồng.

Do đó có thể biết rằng, trong sự tu học thì bất kể dùng phương pháp nào, mục đích nhắm đến của quý vị đều phải là đạt được sự nhất tâm không loạn động. Như vậy thì gọi là Phật pháp, như vậy gọi là học Phật. Nếu mục đích của quý vị không phải là nhất tâm không loạn động, thì dù quý vị mỗi ngày đều niệm Phật, lạy Phật, tụng kinh Pháp Hoa, tụng kinh Đại phương quảng Phật Hoa nghiêm, cũng đều gọi là ngoại đạo.

Dùng phương pháp của Phật giáo nhưng mục đích là cầu pháp bên ngoài tâm, vẫn xem là ngoại đạo. Dù là tôn giáo khác, tông phái khác, nhưng nếu mục đích của họ là cầu được nhất tâm, mục đích là tâm thanh tịnh, thì bất kỳ phương pháp nào cũng đều là Phật pháp. Điều này cho thấy rõ thần lực của việc “quay cái nghe vào soi chiếu tự tánh” là không thể nghĩ bàn.

Bồ Tát Quán Thế Âm đã tu tập thành tựu. Không chỉ là tu tập thành tựu, mà còn là sự thành tựu viên mãn, là thành tựu nơi quả vị Như Lai, nên sức mạnh đó lớn lao biết dường nào! Nói như vậy rồi thì chắc hẳn mọi người sẽ nghĩ: “Vậy những vị Phật khác so với Bồ Tát Quán Thế Âm có gì khác biệt? Vậy tại sao chúng ta không niệm danh hiệu các vị Phật, Bồ Tát khác, mà chỉ niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm?”

Quý vị nên biết rằng, năng lực [của chư Phật, Bồ Tát] thì thật sự đều như nhau, không sai khác, nhưng bản nguyện của Bồ Tát Quán Thế Âm thì không thể nghĩ bàn. Ngài đã lập đại nguyện từ khi mới phát tâm học Phật, đến khi ngài tu tập thành tựu thì đại nguyện đó nhất định sẽ thành hiện thực, giống như tám chi phiếu đã viết không thể vô giá trị, nhất định có thể dùng chi tiêu. Bởi vì ngài có nguyện lực ở cõi này, cũng giống như 48 đại nguyện của đức Phật A-di-đà kiến lập thành cõi Tịnh độ Cực Lạc, tiếp dẫn chúng sinh hữu duyên khắp mười phương.

Đó là mối quan hệ do nguyên lực. Thế giới này của chúng ta lại đầy đầy khổ nạn, Bồ Tát Quán Thế Âm có đại nguyện [cứu khổ cứu nạn] như vậy nên dễ dàng cảm ứng tương giao với chúng ta.

Vì vậy, quý vị không nên khởi tâm nghi ngờ khi niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, như nghĩ “tôi niệm Bồ Tát Đại Thế Chí chẳng phải cũng giống như vậy thôi sao?” Chỉ cần một niệm nghi ngờ là chính mình tạo thành chướng ngại. Cho dù Bồ Tát có thần lực gia hộ bảo vệ, nhưng tự thân chúng ta có chướng ngại, nên sức mạnh gia hộ bảo vệ của ngài khi đến chỗ chúng ta không khởi thành tác dụng. Cũng giống như đài truyền hình phát sóng chương trình, nhà chúng ta có tivi thu hình, nhưng tivi bị hỏng thì dù có mở lên cũng không thu nhận được chương trình. Không phải do đài không phát, thực sự họ đã phát sóng ra, nhưng [không xem được là] vì tivi nhà chúng ta bị hỏng.

Tâm Bồ Tát đối với tất cả chúng sinh đều bình đẳng, không có sai biệt. Nếu quý vị không có chướng ngại thì sẽ tiếp nhận được, sẽ có thể thọ nhận được. Thế nào gọi là không có chướng ngại? Đạt được nhất tâm thì không có chướng ngại. Tâm phân biệt tán loạn thì có chướng ngại. Đạt được nhất tâm thì không những có sự cảm ứng ngấm ngấm, mà cũng có cả sự cảm ứng hiện rõ. Cả hai loại cảm ứng ngấm ngấm và hiển lộ đều rất rõ ràng. Vì vậy, tâm thanh tịnh là hết sức quan trọng.

Người tu hành, trước tiên phải chịu được sự thử thách. Dù trong bất kỳ cảnh giới nào, rơi vào hoàn cảnh vật chất nào, hoàn cảnh nhân sự nào, cũng đều phải chịu được sự thử thách. Trong những hoàn cảnh đó phải tu tập điều gì? Đó là tu tập giữ tâm không loạn động, tu tập sự nhất tâm.

Kinh A-di-đà dạy chúng ta tu tập “nhất tâm không loạn động”, phẩm Phổ môn dạy chúng ta tu tập “nhất tâm xưng danh”, có thể thấy là sự nhất tâm hết sức quan trọng. Chúng ta đem hai bộ kinh này ra đối chiếu thật kỹ, có bao nhiêu câu tương đồng? Chỉ có lời dạy “nhất tâm” là tương đồng. Cho nên có thể thấy đây là điểm quan trọng thiết yếu của sự tu hành. Hiểu rõ được ý nghĩa này, nắm vững điểm quan trọng này, quý vị sẽ biết rõ phải tu tập như thế nào.

Chúng ta từ sáng đến tối, từ năm này qua năm khác, sáu căn luôn tiếp xúc với sáu trần cảnh bên ngoài. Ngay trong cảnh giới đó mà tu tập nhất tâm, đó gọi là tu hành chân chánh, gọi là biết cách tu hành. Thường thì cảnh giới có thể khuấy nhiễu, khiến tâm quý vị loạn động. Quý vị muốn giác ngộ, nó lại hiện ra phá hoại sự nhất tâm của mình. Chúng ta nhất định thường xuyên không để cho cảnh giới phá hoại, thì cảnh giới đó trở thành cảnh giới tốt đẹp. Không có cảnh giới bên

ngoài rèn luyện cạo xát, quý vị làm sao biết mình đã đạt được nhất tâm? Không có cảnh giới đó rèn luyện cạo xát, quý vị làm sao có thể biết là công phu của mình đang tiến bộ? Cho nên, đồng tử Thiện Tài [trong kinh Hoa nghiêm] trải qua năm mươi ba chỗ tham vấn, đó gọi là trải qua sự việc để rèn luyện tâm. Tỳ-kheo Đức Vân dạy ngài pháp môn niệm Phật, chính là tu tập nhất tâm bất loạn. Từ lúc bắt đầu cho đến lần tham vấn cuối cùng, Bồ Tát Phổ Hiền dùng mười đại nguyện lớn lao nhất để dẫn về Cực Lạc. Thiện Tài từ giai vị Sơ địa đạt đến Đẳng giác, thật sự viên mãn quả vị Bồ-đề, tâm đạt đến sự thanh tịnh rốt ráo, đó là tu tập những gì? Chính là tu tập pháp [nhất tâm] này. Chúng ta hãy xem những cảnh giới mà đồng tử Thiện Tài đã trải qua, sự việc gì cũng từng nhìn thấy, hạng người nào ngài cũng từng tiếp xúc. Cũng giống như trong xã hội của chúng ta, phức tạp đa dạng như thế, đủ các ngành các nghề, dù là Phật, là ma, là ngoại đạo... Thiện Tài cũng đều đã tiếp xúc qua. Ở trong những hoàn cảnh đó tu tập điều gì? Chính là tu tập “không bám giữ nơi hình tướng, như như không dao động”, tự mình tu tập pháp “nhất tâm xung danh”. Tắm gương tu hành như vậy đặt trước chúng ta, lẽ nào còn chưa giác ngộ hay sao?

Chỉ cần quý vị tu tập đạt được nhất tâm thì công đức sẽ viên mãn, phước đức cũng viên mãn, trí tuệ cũng viên mãn. Đây chính là như trong nhà Phật nói “có mong cầu ắt có ứng nghiệm”. Bởi vì quý vị đã có được nền tảng cần thiết để chiêu cảm, điều kiện của quý vị đã trọn đủ. Trên từ chư Phật, Bồ Tát, dưới đến chúng sinh trong sáu đường, đều là đối tượng cảm ứng của quý vị, vì có cảm liền có ứng.

Vì vậy, Bồ Tát Quán Thế Âm dùng sự tự chứng này, thành tựu bản thể Kim cang tam-muội, không dao động, không hư hoại, dùng sức mạnh này để gia hộ bảo vệ chúng sinh, có thể giúp cho chúng sinh ngay khi sắp bị hại thì công cụ hành hình tự nhiên rơi xuống. Đây là sức tam-muội Kim cang của Bồ Tát Quán Thế Âm. Thân Bồ Tát đồng như kim cang, đao kiếm khi tiếp xúc đương nhiên không thể hủy hoại kim cang, ngược lại kim cang có thể hủy hoại hết thảy mọi vật. Kim cang là cứng chắc nhất, cứng chắc nhất trong hết thảy các loại vật chất. Hết thảy vật chất đều không thể hủy hoại được kim cang.

Hai câu dưới đây [của Pháp sư Đại Nghĩa] so sánh rất hay để nói lên điều đó. “Khiến cho đao bình” tức là nói các loại binh khí, đao kiếm, “đều như chém vào nước, như thổi ánh sáng”. Chúng ta dùng đao chém vào nước, kết quả thế nào? Quý vị chém xuống một nhát, rút đao lên thì nước lại liền như cũ. Thổi ánh sáng là thế nào? Là ví như gió, khi trận gió lớn nổi lên, có thể thổi bạt đi ánh sáng mặt trời được chăng? Sức mạnh của gió hơn hẳn so với nước và lửa, điều này

chúng ta đều biết. Nơi nào có lũ lụt, phạm vi ngập lụt cũng có hạn; nếu có hỏa hoạn, cũng chỉ đốt cháy một số căn nhà mà thôi. Nhưng một khi có bão tố thì phiền phức, tai hại lớn, đôi khi gây tai hại đến cả một tỉnh, nên tính nghiêm trọng của tai hại lớn hơn nhiều so với tai hại của nước hay của lửa. Gió có uy lực lớn lao như vậy.

Trong kinh Phật có nói về ba tai họa lớn. Trong ba tai họa lớn này thì tai họa lửa có thể thiêu cháy đến cõi trời Sơ thiên, tai họa nước có thể nhấn chìm đến cõi trời Nhị thiên. Nói cách khác, tai họa lửa chỉ có thể hại đến Sơ thiên, không đến được Nhị thiên. Chư thiên ở cõi trời Nhị thiên không có nạn lửa, không phải chịu nạn lửa cháy. Chư thiên cõi trời Nhị thiên còn không chịu nạn lửa, lẽ nào Bồ Tát Quán Thế Âm còn phải chịu nạn lửa hay sao? Chư thiên cõi trời Tam thiên không có nạn chết đuối, vì nước không nhấn chìm đến cõi trời Tam thiên. Gió thì có thể gây hư hoại đến cõi trời Tam thiên, nhưng tai họa của gió cũng không đến cõi trời Tứ thiên. Vì vậy, cõi trời Tứ thiên không có ba tai họa lớn. Cõi trời Tứ thiên gọi là cõi trời Phước báo. Chư thiên cõi này phước báo lớn nhất, không có ba tai họa lớn. Cho nên, trong ba tai họa lớn, cõi trời Tam thiên chỉ có một loại là tai họa gió; cõi trời Nhị thiên có hai loại là tai họa gió và tai họa nước; cõi trời Sơ thiên trở xuống thì không thể tránh khỏi cả ba tai họa lớn.

Gió có uy lực lớn như vậy, nhưng đối với ánh sáng mặt trời thì cũng chẳng làm gì được. Ánh sáng là như như bất động, tuyệt đối không bị gió làm hư hoại chút nào. Trong kinh điển đức Phật dùng điều này để làm ví dụ, giống như cát nước, lại cũng như thổi ánh sáng. Tánh không lay động là tánh của nước; tánh của ánh sáng là như như chẳng động. Chữ “tánh” này cũng được mở rộng để chỉ đến cái mà chúng ta gọi là chân tánh. Chân tánh của chúng ta vốn không có hình tướng, nhưng có thể hiện ra hết thấy hình tướng. Tuy hiện ra hết thấy hình tướng, nhưng quý vị phải hiểu rõ rằng, cái có khả năng hiện ra đó lại không có tướng, cái được hiện ra là đủ mọi hình tướng. Đó chẳng phải là trong cái không sinh ra cái có đó sao? Do tính chất của việc từ trong không sinh ra có, cho nên có tức là không. Nếu chúng ta hiểu rõ được ý nghĩa này thì đúng như trong kinh Kim Cang nói: *“Những gì có hình tướng đều là hư vọng”, “Hết thấy các pháp hữu vi”,* tức là nói hết thấy sắc tướng, *“như mộng, huyễn, bọt nước”*. Đối với hết thấy các tướng, nếu ta không phân biệt, không bám chấp thì tướng đó chính là tướng không hư hoại. Vì sao? Vì [khi ấy] tánh tướng đều đồng nhất, tánh và tướng không phải hai. Có sự hủy hoại thì đều là do ở phía chúng ta mê muội, quên mất chân tướng, ở trong hết thấy các tướng huyễn ảo mà khởi lên phân biệt hư vọng, cho đó là là chân thật, cho nên mới sinh ra nhiều sự rối loạn. Nếu thật sự thấu hiểu, phân biệt

rõ ràng thật tướng của các pháp thì sắc trần chính là tánh của [Nhu Lai] tạng. Quý vị xem trong kinh Lăng Nghiêm, Phật dạy rất rõ ràng, bốn khoa bảy đại đều là tánh Như Lai tạng. Điều này cho quý vị thấy rõ, tánh và tướng là một, không phải hai.

[Hết thầy] đã là tánh Như Lai tạng, vậy thì tốt rồi, hình sắc nơi trần cảnh là tánh Như Lai tạng; đao kiếm đâm chém là tánh Như Lai tạng, thân này của chúng ta cũng là tánh Như Lai tạng. Tánh tạng hợp với tánh tạng, giống như hư không hợp với hư không, tất cả đều không dao động, đều không hư hoại. Khi những thứ này gặp nhau, đao binh không hư hoại, thân thể cũng không hư hoại. Phải thể nhập vào cảnh giới này thì mới có hiện tượng “mọi sự đều không ngăn ngại”.

Chúng ta cảm thấy việc này thật quá kỳ lạ, thật không thể nghĩ bàn, nhưng sự biểu diễn của các bậc thầy Du-già Ấn Độ chính là dựa trên nguyên lý này. Họ đi trong lửa, trên thép nung đỏ rực, đi qua những chỗ ấy như không có gì; họ cũng có thể vào nước không chết chìm; đặt họ vào trong quan tài, chôn dưới đất vài tháng rồi đào lên, họ vẫn bình an vô sự. Chúng ta cho đó là thần kỳ, là không thể nghĩ bàn. Thật ra đó chỉ là những trò đùa ma thuật nhỏ nhặt, không đáng nói. Trong muôn phần của nguyên lý này họ chỉ vận dụng được một hai, đem ra biểu diễn cho quý vị xem. Đây là bản năng của tất cả chúng ta. Chư Phật Như Lai, Đại sĩ Quán Âm đều là thân kim cang bất hoại, thân của chúng ta và thân của các ngài không khác gì nhau, chỉ là mê, ngộ khác nhau, ngoài mê ngộ ra thì có gì khác biệt?

Bồ Tát Quán Thế Âm nên đối với đao kiếm đâm chém đều không sợ. Ngài dùng thần lực đó gia hộ bảo vệ chúng ta ngay khi chúng ta nhất tâm xưng danh, vì nhất tâm chính là chân tâm. Tuy nhiên, chúng ta không thể duy trì sự nhất tâm lâu dài, nếu duy trì được sự nhất tâm lâu dài thì chúng ta đã thành Bồ Tát. Dù không thể duy trì nhất tâm lâu dài, nhưng ngay trong một sát-na được nhất tâm, sự nhất tâm này liền cảm ứng tương giao với sự nhất tâm của Bồ Tát, của Phật; oai thần của Bồ Tát khi ấy liền có thể gia hộ bảo vệ chúng ta, có thể giúp chúng ta miễn trừ được tai nạn đao binh.

Mấy câu dưới đây rất đơn giản dễ hiểu. “Đã đồng với âm thanh được nghe”, âm thanh được nghe không có hình trạng, âm thanh là vô hình, cho nên âm thanh không sợ đao binh; “không ngăn ngại hình thể, nên khiến cho đao kiếm binh khí [đâm chém] như cắt, như thổi”, nghĩa là giống như cắt vào nước, thổi vào ánh sáng. Cảnh giới này nếu chúng ta thật sự tu tập thành tựu rồi thì sẽ như thế nào? Là đối với hết thầy các pháp thật sự không còn bám chấp nữa, rõ biết chúng là hư vọng. Nói chung những gì có hình tướng đều là hư vọng. Hư vọng chạm vào hư

vọng thì nhất định không có chướng ngại, gọi là mọi sự đều không ngăn ngại. Đạt đến cảnh giới này thì những bức tường không thể ngăn trở quý vị. Như căn nhà của chúng ta đóng cửa lại, quý vị không thể ra ngoài; nhưng nếu đạt đến cảnh giới này rồi, hân hình sắc này của ta là tánh tạng, tường vách cũng là tánh tạng; tánh tạng chạm vào tánh tạng thì không chướng ngại, quý vị sẽ có thể ra vào tự do.

Quý vị thấy đó, khi tâm thanh tịnh thì năng lực không thể nghĩ bàn! Quý vị trong một sát-na đạt được cảnh giới đó thì ngay trong một sát-na đó khởi sinh tác dụng. Pháp sư Viên Anh trong sách “Lãng nghiêm giảng nghĩa”, ở phần tựa của sách, là lời tựa do chính ngài viết, kể lại một câu chuyện tự thân ngài đã từng trải qua. Câu chuyện này cũng chứng thực rằng “bốn khoa bảy đại đều là tánh Như Lai tạng”.

Lúc đó ngài đang tĩnh tọa trong thiền phòng, tức là trong phương trượng, tâm rất thanh tịnh. Chợt có việc gì đó, ngài đứng dậy đi ra ngoài. Ra ngoài rồi mới chợt nhớ lúc đó đã không mở cửa, nhưng sao lại đi ra được? Khởi tâm động niệm như vậy rồi liền quay lại xem, đẩy cửa thì bên trong vẫn còn cài then. Đó là trong một sát-na ngài đạt được nhất tâm, không vọng niệm, nên không có chướng ngại; khi niệm thứ hai khởi lên thì không được rồi, tường vách đã thành chướng ngại, dù có đâm sầm vào cũng không qua được.

Đây là chuyện của Lão pháp sư Viên Anh, cách chúng ta không quá xa, là người trong thời Dân quốc. Ngài không thể nói dối. Nên có thể thấy rằng công đức của nhất tâm không thể nghĩ bàn, quả thật rất thần kỳ.

Trong cảnh giới ấy, dù đao kiếm binh khí đâm chém thế nào cũng chỉ giống như bức tường kia, tự do qua lại không vướng chạm. Nhưng nếu trong lúc đó quý vị động tâm thì sẽ không được vậy. Lúc đó, toàn bộ tinh thần chỉ có một câu niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, ngoài ra không nghĩ đến gì khác. Nếu như khởi lên ý nghĩ rằng: “Con đang niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, Bồ Tát Quán Thế Âm hãy bảo vệ cho con, đừng có dao chém vào thân con, nếu có chém vào thì sẽ gãy.” Như vậy thì hỏng rồi, sẽ không có sự linh nghiệm. Không linh nghiệm cũng đừng lấy làm lạ, vì sao trong kinh dạy như vậy, tôi niệm lại không linh nghiệm? Vì trong kinh dạy quý vị nhất tâm, còn quý vị lúc đó ba tâm bốn ý, tạp niệm lăng xăng, làm sao linh nghiệm được? Khi được linh nghiệm là chỉ có nhất tâm xưng danh, ngoài ra quên hết tất cả, có đao kiếm hay không đao kiếm, có hình phạt hay không hình phạt, mọi thứ đều quên sạch, lúc đó mới có cảm ứng. Một niệm phân biệt liền thành chướng ngại.

Trong kinh nói rất nhiều việc, như bảy nạn, ba độc, hai cầu... xin thưa với quý vị, tất cả cũng chỉ một nguyên lý thôi, rốt lại chỉ có một ý nghĩa thôi. Toàn bộ kinh điển chính là khuyên chúng ta nhất tâm xưng danh, không có gì khác cả.

Kinh nói rằng công đức lợi ích là vô lượng vô biên, không thể nói hết, chỉ có thể tạm nêu ra một vài thí dụ thôi. Vậy tại sao chúng ta không tu tập nhất tâm? Như quý vị muốn cầu phước báo, đạt được nhất tâm thì phước báo tự nhiên đến, không hề miễn cưỡng, phước báo tự nhiên đến. Vì sao? Vì phước báo đó là vốn có trong tự tánh, là phước báo xưa nay vốn đầy đủ, phước báo đó thụ hưởng không hết, không phải do tu tập mà từ nơi khác đến. Nếu là phước báo do tu tập mà có được thì thụ hưởng sẽ hết, còn phước báo tương ứng với tự tánh thì thụ hưởng không hết. Đây là chỗ tốt đẹp của sự tu học!

Tiếp theo bên dưới [trang này] có một công án. Công án này quý vị tự mình xem, [không cần giảng giải]. Trong sách “Quán Âm linh cảm lục” còn có nhiều công án hơn, nhất định không phải những chuyện ngẫu nhiên, tất cả đều là sự thật.

Bây giờ chúng ta xem đoạn tiếp theo: “Thoát nạn quỷ.” [Kinh văn nói:]

“Nếu trong thế giới đại thiên đầy đầy dạ-xoa, la-sát muốn đến hại người, vừa nghe xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm thì những quỷ dữ đó không dám nhìn người bằng ánh mắt hung dữ, huống chi là làm hại?”

Trong phần chú giải nói: “Nói ‘đầy đầy’ là giả thiết. Các loài quỷ sợ hãi là vì Bồ Tát vừa có oai lực, vừa có ân điển. Nếu không nhớ đến ân điển thì cũng phải sợ oai lực, cho nên vừa nghe danh hiệu thì ‘không dám nhìn người bằng ánh mắt hung dữ, huống chi là làm hại?’”

Chư Phật, Bồ Tát đối với chúng sinh trong sáu đường đều bình đẳng từ bi, bình đẳng cứu giúp. Cho nên chúng sinh trong sáu đường đều thọ nhận ân đức của chư Phật, Bồ Tát. Những chúng sanh hiểu rõ ý nghĩa này thì đều có lòng biết ơn, nên nghe đến danh hiệu Bồ Tát thì không dám làm hại; còn chúng sanh nào không hiểu ý nghĩa này thì cũng biết oai thần, sức mạnh của chư Phật, Bồ Tát rất lớn lao nên phải sợ hãi, cũng không dám làm hại.

Trong đoạn này, Đại sư lại cũng dẫn một đoạn kinh Lăng nghiêm để giải thích. Kinh dạy: *“Thứ sáu là, huân tập tánh nghe sáng suốt thấy khắp pháp giới, các tánh u ám không thể tồn tại nên khiến các loài dạ-xoa, la-sát... tuy gần bên cạnh mà mắt không thể nhìn thấy.”*

Đoạn kinh văn này được trích từ kinh Lăng nghiêm, trong đó cũng có lược bớt. Trong bản gốc kinh Lăng nghiêm nói về các loài quỷ này có dạ-xoa, la-sát, quỷ cru-bàn-trà, tỳ-xá-già, phú-đan-na... Kinh Lăng nghiêm kể ra nhiều tên, ở đây lược bớt vài tên quỷ.

Tánh chất của quỷ là tánh âm. Lời tục thường nói: “Người sợ quỷ ba phần, quỷ sợ người bảy phần.” Những người nhát gan sợ quỷ, quỷ thấy vậy sẽ lẩn lướt bắt nạt. Vì sao? Vì xưa nay quỷ vốn sợ người, nay quý vị lại sợ nó; nó có thể ra oai, nó sẽ lẩn lướt, bắt nạt quý vị. Do đó có thể biết, loài người chúng ta sợ quỷ, nhưng loài quỷ còn sợ người hơn gấp nhiều lần. Hiểu rõ ý nghĩa này, chúng ta hoàn toàn có thể không sợ. Nếu thật sự gặp quỷ, quý vị lớn tiếng hét lên, quỷ sẽ sợ chạy mất. Đúng là như vậy, vì tiếng hét của quý vị lớn, khí dương mạnh, quỷ liền sợ chạy. Nếu quý vị thấy quỷ mà sợ hãi, quỷ sẽ nhân cơ hội mà lấn áp, trêu chọc quý vị.

Năng lực khiến quỷ thần kính sợ của Bồ Tát là do công phu tu tập của ngài. “Huân tập tánh nghe sáng suốt, thấy khắp pháp giới.” Tánh chất của quỷ thần là u ám tối tăm, nên chúng ta thấy những người làm việc xấu không dám gặp người khác, gọi họ là “thậm thà thậm thụt”, “lấm la lấm lét”, nghĩa là không dám gặp người khác. Lại nói “lén lén lút lút” cũng là như vậy, đều là chỉ những người mà tư tưởng, hành vi mờ ám, không dám công khai gặp người khác.

Vì tính chất của quỷ thần là u ám tối tăm như vậy, nên họ nhất định không dám xuất hiện giữa ban ngày. Vậy quỷ thần xuất hiện vào lúc nào? Là vào ban đêm. Nên khi chúng ta [làm nghi thức] siêu độ quỷ thần, cúng thí thực cho quỷ thần, đều phải sau hoàng hôn mới có hiệu quả. Do vậy, quý vị thử nói xem, nếu làm Phật sự siêu độ mà làm vào buổi sáng, quỷ thần làm sao dám đến? Làm vậy chỉ uống công. Làm vào buổi chiều cũng không được, nhất định phải hiểu rõ ý nghĩa này. Nói chung, việc siêu độ quỷ thần, như Phật sự được nói trong kinh điển thì thường là phải sau 5 giờ chiều, khi mặt trời sắp lặn. Lúc đó một số quỷ gan dạ sẽ xuất hiện, những quỷ nhát gan vẫn chưa dám ra. Quỷ nhát gan phải đợi trời tối hẳn, khoảng sau 7, 8 giờ tối rồi mới dám ra, bởi vì họ sợ ánh sáng. Hào quang của Bồ Tát chiếu sáng khắp pháp giới, quỷ thần làm sao không sợ? Vì vậy, khi Bồ Tát đến cảnh giới của quỷ để cứu độ chúng sinh, cũng phải ẩn giấu hào quang sáng tỏ, cũng phải biến thành u ám giống như loài quỷ.

Quý vị xem như mỗi ngày chủ nhật chúng ta đều có nghi thức Mông sơn thí thực. Mông sơn thí thực tức là mời khách, mời khách quỷ ăn cơm. Vì quỷ là nga quỷ, rất khó có được thức ăn, nên ta bố thí cho họ, cũng như mời khách, mời họ đến ăn. Trong khi mời ăn, lại giảng pháp cho họ nghe, khuyên họ học Phật, ý

nghĩa là ở chỗ này. Đây là tu phước, cũng là tiêu trừ tai nạn, tiêu trừ nghiệp chướng. Vì có nhiều quỷ trong đời trước hoặc trải qua nhiều đời đã từng kết oán thù với ta, từng là kẻ thù của nhau, hoặc thiếu nợ tiền bạc, hoặc thiếu nợ mạng sống. Việc siêu độ này là để cùng họ giải trừ thù oán, cởi mở gút mắt, biến thù thành bạn, công đức chính là ở chỗ này.

Do đó, chúng ta phải làm nghiêm túc việc này. Vì sao? Nếu không làm, khi ta muốn tu hành, họ sẽ đến quấy nhiễu. Ta nợ mạng của họ từ trước, nay tu hành muốn thoát, sao có thể dễ dàng thế? Họ sẽ đến gây chướng ngại. Vì sao? Vì họ chưa báo được oán thù. Hoặc quý vị nợ họ tiền bạc, nợ nần còn chưa trả hết, như quý vị thiếu tôi bao nhiêu là tiền, còn chưa trả đủ cho tôi, quý vị lại định trốn tránh đi, như vậy không thể được. Họ sẽ tìm đến quấy nhiễu thôi.

Cho nên, trên đường tu hành có rất nhiều chướng ngại, chính là do từ vô lượng kiếp đến nay đối với chúng sanh ta đã nợ quá nhiều mạng sống, nợ quá nhiều tiền tài. Những món nợ ấy nếu quý vị chưa trả xong thì đời đời kiếp kiếp luôn phải chịu quấy nhiễu. Nợ mạng phải trả bằng mạng, nợ tiền phải trả bằng tiền.

Chư vị đồng tu ở đây có nhiều người đều biết, ngài An Thế Cao ở Trung quốc ngày xưa đã phải hai lần trả nợ mạng, không có cách nào tránh được. Ngay cả thành Phật rồi, như trường hợp Đề-bà-đạt-đa vẫn còn tìm đến quấy nhiễu. Đời quá khứ còn những món nợ tài vật hay gút mắt chưa giải quyết xong, nay cho dù thành Phật rồi họ vẫn tìm đến, hướng hồ phàm phu chúng ta? Vì thế, khi tu các Phật sự phải hết sức nghiêm túc. Trong các buổi khai thị, tôi thường nhắc nhở: ai tham gia tu học Phật sự đều phải thành tâm, phải nghiêm túc tụng niệm, quán tưởng. Vì sao vậy? Là để tiêu trừ nghiệp chướng của chính mình, giải trừ oán kết của chính mình, giúp cho con đường tu đạo Bồ-đề của mình được xuôi buồm thuận gió, không gặp chướng ngại. Mục đích chính là ở chỗ đó.

Những Phật sự như thế này chúng ta phải thường xuyên làm, là làm cho chính mình, không phải làm cho người khác. Khi ta làm thường xuyên, ta đối với quỷ thần có ân đức. Vì sao? Vì họ nghĩ rằng: “Người này cũng không tệ, thường mời ta ăn cơm, thường giảng pháp cho ta nghe.” Những quỷ thần ấy sau này sẽ trở thành hộ pháp cho ta, khi có ma quỷ khác đến quấy nhiễu ta, họ sẽ đối phó với những ma quỷ ấy. Quý vị không thể nào hiểu hết được công đức và lợi ích này lớn lao như thế nào. Đó là kết pháp duyên với quỷ thần.

Các loài quỷ là nói chung, “những quỷ dữ đó” là nói tổng quát, kể ra “dạ-xoa, la-sát” là nói cụ thể. La-sát là loài quỷ rất đáng sợ. Trong kinh Phật nói, dạ-

xoa và la-sát đều là quỷ ăn thịt người, tâm rất độc ác, gặp người liền hại người. Nhưng trong hai loài quỷ này cũng có những con quỷ quy y Phật pháp. Quy y rồi thì trở thành thần hộ pháp trong nhà Phật. Tuy đã là thần hộ pháp, quả đúng là không còn hãm hại người, nhưng tập khí cũ vẫn chưa dứt sạch. Vì vậy, nếu chúng ta đối với Tam bảo có chỗ làm lỗi, Bồ Tát thì không chấp, Bồ Tát không trách tội quý vị, vì Bồ Tát đại từ đại bi, quý vị có mắng chửi, nhục mạ, thậm chí đem tượng Phật ra đập phá hủy hoại, chư Phật, Bồ Tát cũng nhất định không khởi một chút tâm sân hận. Vì nếu còn sân hận thì sao có thể gọi là Bồ Tát? Nhưng những quỷ thần hộ pháp sẽ không dung tha cho quý vị. Họ là phàm phu, họ thấy chướng mắt liền phản ứng với quý vị ngay. Thật ra không phải Phật, Bồ Tát giáng tội, mà chính là quỷ thần thấy chướng mắt nên tìm đến gây họa cho quý vị. Sự việc là như vậy.

Ngày nay, rất nhiều chùa chiền miếu mạo bị phá hủy, Phật môn bị hủy diệt, vì sao không thấy báo ứng? Những chuyện này chúng ta đã thấy nhiều. Vì trong những ngôi chùa ấy không có người tu hành chân chính, không có đạo hạnh, nên không có Phật Bồ Tát, cũng không có thần hộ pháp ở đó. Việc này là như vậy.

Quỷ thần hộ pháp chỉ bảo vệ người thật sự tu đạo. Nếu là người chân chính tu hành, quý vị đắc tội với họ, thần hộ pháp thần sẽ đến ngăn cản quý vị. Còn với những kẻ chỉ mạo danh nhà Phật, lợi dụng danh nghĩa Phật để đi khắp nơi lừa gạt thì thần hộ pháp đã bỏ đi từ lâu rồi. Thay vào đó là gì? Là yêu ma quỷ quái. Vì yêu ma chuyên lừa gạt người, những kẻ ấy cũng lừa gạt người, cùng một tâm ý, cùng một đường đi, cho nên chúng đến giả mạo Phật, Bồ Tát để gạt người, đó là giả chứ không phải thật.

Hiện nay quý vị thấy trong các bàn cầu cơ, lên đồng, đó đều là giả, không thể tin. Đó là quỷ thần, chắc chắn là như vậy, họ cũng có chút linh ứng nhỏ, nếu không thì ai tin? Nhưng việc lớn thì không linh nghiệm. Hỏi chuyện vài ngày gần thì họ biết, nhưng hỏi vài tháng, vài năm sau thì chỉ bịa đặt, không đúng. Họ có chút thần thông nhỏ thôi. Quỷ cũng có năm thứ thần thông, nhưng là loại nhỏ nhất thôi.

Những việc như thế này, người mới học Phật thường rất hiếu kỳ, cũng muốn biết qua đôi chút. Khi tôi còn nhỏ, nhớ lại lúc học tiểu học, lúc đó đã biết về việc này rất rõ. Còn nhớ đó là khi tôi học tiểu học ở Phúc Kiến.

Ở Phúc Kiến tục cầu cơ rất thịnh hành. Tôi sống ở vùng Mân Bắc hơn 5 năm, thường đi xem họ cầu cơ. Lúc ấy còn nhỏ, hiếu kỳ, người lớn cầu cơ, chúng tôi đứng bên cạnh xem. Nhưng việc cầu cơ ở đó thì tôi tin, vì không giống như ở Đài

Loan. Ở Đài Loan, việc cầu cơ rất giống lên đồng, lúc nào cũng chỉ có một người chuyên môn cầm cơ thôi. Còn ở Trung quốc đại lục không phải như vậy. Ở đại lục tìm những ai làm người cầm cơ? Họ tìm những người gánh nước, đốn củi, kéo xe kéo... Những người ấy đều không biết chữ, họ tùy tiện gặp đâu đó thì kéo đến thôi. Vì thế nên tôi có chút tin tưởng. Những người cầm cơ không biết chữ, không biết viết, được đưa đến chỗ khay cát, vậy mà khi cơ giáng, không phải một người mà là hai người cùng cầm cơ, đều viết lên cát trong một cái khay đan bằng tre, giống như cái sàng, phía trước gắn đầu rồng, trên cắm cây gậy gỗ, dùng viết chữ lên cát. Chữ viết ra đều ngay ngắn vuông vức, chúng tôi đứng bên cạnh, khi họ viết ra đều đọc được hết, lại có người đứng bên cạnh ghi chép lại. Mỗi lần cơ giáng viết ra khoảng mười mấy đến hai mươi mấy chữ, không nhiều. Có lúc cũng vẽ bùa, bùa ấy rất linh nghiệm. Đó là chuyện lúc nhỏ tôi đã thấy tận mắt.

Khi đến nơi này, lúc trước tôi có mấy người bạn ở Học xã Viên Huyền, cũng đã rất lâu rồi, hồi đó tôi còn chưa xuất gia. Bọn họ mấy người cùng đưa tôi đi tham quan. Tôi thấy họ cầu cơ, chỉ có một người cầm cơ thôi, mà viết chữ rất nhanh. Tôi nhìn cách gì cũng không đọc ra được một chữ nào. Ông ta vừa lẩm nhẩm trong miệng, vừa cử động loạn xạ, nói ra cũng rất nhanh, chỉ trong chừng nửa giờ đồng hồ viết như vậy, người bên cạnh ghi chép lại đến hơn mấy ngàn chữ. Tôi cảm thấy rất kỳ lạ. Thấy như vậy tôi không tin. Việc chuyên môn này chỉ có một mình ông ta làm được, người khác thì không. Tôi sợ rằng ông ta chỉ bịa đặt, chẳng phải quỷ thần giáng cơ, mà hoàn toàn là ông ta giả mạo quỷ thần. Chuyện này tôi thấy rất khó tin. Nhưng việc tôi thấy ở đại lục thì tôi thật sự tin.

Sau khi học Phật, tôi đem chuyện này thưa hỏi đại sư Chương Gia. Đại sư nói với tôi rằng, việc đó quả thực là quỷ thần giả mượn danh nghĩa Phật, Bồ-tát; giả mượn danh nghĩa thần tiên. Họ cũng muốn làm chút việc tốt, cũng muốn tu chút phước báo, muốn khuyến khích việc thiện, tu tích phước báo. Họ cũng có đôi chút thần thông nhỏ nhặt, nhưng những cái lớn đều là giả, không thể nương dựa vào. Ngài dặn tôi nhất định không được tin.

Ngài còn kể cho tôi một ví dụ, nhà Thanh mất nước chính vì tin vào việc cầu cơ. Khi ấy Thái hậu Từ Hi cùng các vương công, đại thần, quyết định các chính sách quốc gia đều dựa vào việc cầu cơ, hoàn toàn dựa vào những chỉ dẫn của quỷ thần. Quỷ thần chỉ dẫn bọn họ đi đến chỗ mất nước như vậy. Cho nên tuyệt đối không thể tin.

Đây chính là như trong sách Tả truyện của Trung quốc có nói. “Quốc gia sắp hưng thịnh thì nghe theo con người, nghe theo ý kiến của dân chúng; quốc gia

sắp diệt vong thì nghe theo quỷ thần.” Nghe theo quỷ thần thì có lý nào lại không mất nước!

Trong kinh Phật nói, dạ-xoa và la-sát là thuộc hạ của Đa Văn Thiên vương ở phương bắc. Bốn vị Thiên vương ở cõi trời thuộc Dục giới, tuy được gọi là trời nhưng cũng xem là quỷ, vì thuộc hạ của các ngài đều là quỷ. Các ngài chỉ là thủ lĩnh lớn trong các loài quỷ mà thôi. Các ngài trên thì giao tiếp với chư thiên, dưới thì qua lại với quỷ thần, là đại thủ lĩnh trong loài quỷ thần.

Ở phương bắc là Đa Văn Thiên vương, thống lãnh quỷ dạ-xoa và la-sát. Cru-bàn-trà thuộc về phương nam, dưới quyền Tăng Trưởng Thiên vương. Điều này trong kinh Lăng Nghiêm có nói. Tỳ-xá-già còn gọi là quỷ ăn tinh khí, thuộc quyền Trì Quốc Thiên vương ở phương đông. Tăng Trưởng Thiên vương ở phương Nam, Trì Quốc Thiên Vương ở phương đông. Phú-đan-na được gọi là quỷ gây bệnh nhiệt, giống như ôn dịch, ôn thần, thuộc về Quảng Mục Thiên vương ở phương Tây.

Những quỷ thần quy y Tam bảo thì gọi là Bát bộ quỷ thần, tức hộ pháp thần mà chúng ta thường thấy trong kinh Phật. Họ đều đã quy y Tam bảo. Họ đi theo bốn vị Thiên vương. Bốn vị Thiên vương quy y Tam bảo, đều là thần hộ pháp trong Tam bảo.

Cho nên trong kiến trúc các ngôi chùa, khi mới bước vào qua khỏi cửa thì trước tiên là điện Thiên vương. Trong điện này có đủ bốn vị Thiên vương, vì họ là hộ pháp của nhà Phật. Các vị là thủ lĩnh đều hộ pháp, thì thuộc hạ quỷ thần còn phải nói gì nữa, đương nhiên là cũng hộ trì Phật pháp. Cho nên khi quý vị niệm danh hiệu Phật, Bồ-tát thì những quỷ thần ấy làm sao có thể khởi tâm làm hại. Tất nhiên là không thể được. Điều này ngay trong đạo lý thế gian cũng có thể hiểu.

Ví như trong quân đội, nếu vị chỉ huy lớn đã hộ trì, thì quân lính cấp dưới nghe được việc ấy cũng sẽ cung kính, không dám làm bậy. Đây là ý nghĩa nhất định phải vậy.

Phần tiếp theo nêu một công án trong kinh A-hàm. Công án này cho ta gợi mở lớn. Trong phần này Pháp sư Đại Nghĩa cũng có mấy câu khai thị rất quan trọng, chúng ta tiếp tục đọc qua:

“Do nghe mà huân tập thành trí sáng, phá tan ngu si tối tăm, nên quỷ không thể nhìn thấy.”

Câu này có nghĩa là, nếu một người có trí tuệ, có ánh sáng trí tuệ thì quý không dám đến gần.

“Dứt trừ vọng tưởng”, như phần trước đã nói, “không có tâm giết hại, cho nên không gặp tai hại.” Ví như có quỷ thần mang thù oán với quý vị, luôn nghĩ đến việc báo thù, cũng không cách gì có thể đến gần.

Nếu quý vị từng đọc qua sách “Tam-muội thủy sám”, sẽ thấy câu chuyện của Quốc sư Ngô Đạt. Có một quỷ oán đi theo ngài đến mấy trăm năm, vì trong một đời trước ngài đã hại chết người này, khiến ông ta oán hận mãi trong lòng, nhất định phải báo thù. Đời sau ngài xuất gia, tu hành rất tốt, giới hạnh thanh tịnh, thành bậc cao tăng, có thần hộ pháp bảo vệ, nên quỷ oán này ngày nào cũng chực chờ tìm kiếm mà không có cơ hội. Đến đời sau ngài lại cũng xuất gia, lại làm cao tăng, liên tiếp mười đời đều là cao tăng. Quỷ oán vẫn không chịu từ bỏ, theo dõi ngài từng giây từng phút, nhất định không thể không báo thù. Đến đời thứ mười, ngài chính là Quốc sư Ngô Đạt, thầy của hoàng đế, địa vị tôn quý tột cùng. Hoàng đế vì kính trọng ngài, cúng dường một tòa báu bằng trầm hương. Tòa báu này cũng tương tự như chiếc ghế dựa, làm toàn bằng trầm hương. Quý vị thử nghĩ xem, trầm hương hiện nay giá một cân cũng đến hơn mấy vạn đồng. Hoàng đế cúng dường ngài chiếc ghế quý báu ấy, ngài liền khởi tâm kiêu mạn, hết sức đắc ý, khởi sinh một ý niệm vui thích, thần hộ pháp liền bỏ đi. Do tâm ngài bị trần cảnh xoay chuyển, thần hộ pháp liền bỏ đi. Ngay khi thần hộ pháp bỏ đi, quỷ oán liền nhập vào thân ngài, làm mọc lên một cái ung nhọt mặt người nơi đầu gối, khiến cho ngài suýt nữa mất mạng.

Nhưng kể ra ngài mười đời tu hành cũng không uổng phí, nên gặp được Tôn giả Ca-nặc-ca, một vị A-la-hán, đến cứu ngài, cho ngài nước tam-muội để rửa. Cái nhọt mặt người khi ấy mở miệng nói ra, kể rõ nhân duyên: “Ta với ông kết oán sâu nặng, nay nhờ Tôn giả Ca-nặc-ca hóa giải, thôi thì việc của chúng ta xem như đã xong, oán thù từ đây chấm dứt.” Quý vị có thể đọc kỹ chuyện này trong sách Tam-muội thủy sám.

Do vậy, “oan gia nên giải không nên kết”. Đắc tội với một người thì rất dễ, kết thành thù oán thì rất dễ, nhưng muốn giải trừ lại không dễ dàng. Quý vị xem như chuyện Quốc sư Ngô Đạt, có đáng sợ hay không? Vì sao phải kết thành thù oán với người khác? Bản thân thiệt thòi một chút cũng không sao. Thiệt thòi thật ra là được lợi ích lớn; trước mắt giành được một chút lợi lộc, trong thực tế rồi sẽ phải thiệt hại lớn. Quý vị phải hiểu thật rõ ràng nhân quả trong ba đời.

Do đó, cần “dứt trừ vọng tưởng, không có tâm giết hại”. Không chỉ là không giết, mà ngay cả tâm ý hại người cũng không thể có. Quý vị làm được như vậy thì bất kỳ yêu ma quỷ quái nào, khi gặp quý vị đều không thể đến gần, làm sao có thể hãm hại?

“Kinh A-hàm nói”, tức là dẫn lời Phật nói, Phật nói ra trong kinh A-hàm, có một câu chuyện như sau:

“Có một quỷ đại lực, ngồi lên tòa của Đế Thích.” Quỷ này đại khái cũng là thuộc loài A-tu-la, còn Đế Thích thì người Trung quốc gọi là Ngọc Hoàng Thượng Đế, tức là vị Thiên chủ ở cõi trời Đao-lợi. Tòa ấy tức là tòa ngồi rất quý của Đế Thích. Quỷ đại lực leo lên ngồi trên tòa báu của vị Thiên chủ cõi trời Đao-lợi.

“Đế Thích vô cùng giận dữ.” Vị thiên chủ cõi trời Đao-lợi thấy vậy thì nổi giận. Nổi giận lên rồi thì sao? “Ánh sáng tỏa ra của quỷ càng thêm mạnh mẽ”, tức là thể lực, oai phong của quỷ càng lúc càng lớn mạnh, không cách gì đối phó nổi. Quý vị xem đó, khi quý vị sân hận chính là giúp sức cho quỷ. “Là do cùng một tâm hành với quỷ ấy”, quý vị [nổi giận tức là] giúp đỡ cho nó, làm cho nó tăng thêm uy phong, giúp cho nó tăng thêm thể lực.

“Đế Thích lại khởi lên tâm từ”, Đế Thích có suy nghĩ lại, rốt cuộc thì ông là người thấu hiểu Phật pháp, cũng từng cúng dường Phật, cũng từng nghe kinh, cho nên nghĩ lại rồi, liền khởi tâm từ. “Ánh sáng tỏa ra của quỷ tắt mất, liền bỏ đi.” Lúc này quỷ không làm gì được nữa.

Đây là sự chỉ dạy rất lớn. Chúng ta đối với kẻ ác, phải dùng tâm từ đối đãi. Nếu dùng tâm từ đối đãi, họ sẽ không làm gì được. Như có người đến quấy nhiễu quý vị, muốn mắng chửi quý vị; quý vị dùng tâm từ đối đãi với họ, họ nổi giận lên càng mắng chửi, quý vị càng lắng nghe, một lời cũng không đáp lại. Họ chửi mệt mỏi rồi, tự thấy mất mặt sẽ bỏ đi thôi.

Cách này rất hiệu quả! Nếu quý vị đối đáp, chửi mắng lại, càng chửi mắng càng thêm căng thẳng, có phải vậy không? “Ánh sáng tỏa ra” của họ càng thêm mạnh mẽ.

Nếu họ muốn đánh bạn, bạn không đánh trả, họ đánh vài cái rồi sau đó mới là rắc rối to. Đánh cũng không được, không đánh cũng không được. Đánh thì đánh không đến đâu; không đánh thì không giữ được thể diện.

Cách này rất hiệu quả! Nếu bạn đánh lại, “ánh sáng tỏa ra” của họ sẽ càng thêm mạnh mẽ.

Cho nên, thuở tôi còn đi học, khi học sinh tranh chấp, đánh nhau, thầy dạy không hề hỏi xem ai đúng ai sai, cả hai đều bị phạt quỳ gối. Điều đó rất hợp lý. Vì sao? Vì cả hai đều như nhau. Hai bên mà không như nhau thì không có chuyện tranh cãi, không có chuyện đánh nhau. Hai bên đã cãi nhau, đánh nhau tức là đều như nhau, cho nên phạt ngang nhau là không sai.

Cho nên quý vị phải hiểu rõ ý nghĩa này. Không chỉ có thể đối phó với quỷ thần, mà ngay trong mối quan hệ với người đời cũng giảm được rất nhiều rắc rối.

Tiếp theo là đoạn thứ sáu: “Thoát nạn xiềng xích.” Kinh văn nói:

“Nếu người bị gông cùm xiềng xích, dù có tội hay không có tội, xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm thì gông cùm xiềng xích tự nhiên gãy nát, liền được giải thoát.”

Xiềng xích là dụng cụ trừng phạt, như ngày nay là còng tay, cùm chân. Khóa tay tức là còng, gông trên cổ thì ngày nay không còn nữa, từ thời Dân quốc đã bỏ rồi. Vì sao lại nói “dù có tội hay không có tội”? “Không có tội” tức là bị oan ức, “có tội” tức là có tội nặng, đáng phải bị gông cùm xiềng xích. Người có tội như vậy nhưng nếu niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, Bồ Tát cũng cứu. Điều này khiến chúng ta hoài nghi. Nếu là bị oan, Bồ Tát cứu là đúng; nhưng nếu quả thật có tội, thì chẳng phải là Phật Bồ Tát từ bi không đúng chỗ sao? Người ác được cứu thoát, trong tương lai người ấy lại sẽ hại người thì làm sao?

Ý nghĩa này chúng ta cần phải hiểu rõ. Trong phần chú giải cũng giải thích rất chi tiết, quý vị có thể xem qua. Phần chú giải nói rằng, tâm Bồ Tát bình đẳng, chỉ nghĩ đến việc cứu khổ cứu nạn, không cần phải hỏi đến việc có tội hay bị oan. Nhưng ở đây có điểm quan trọng chúng ta cần phải lưu ý. Đó là, người vô tội bị oan thì không bàn đến; với người thật sự có tội, nhất định khi niệm [Bồ Tát] phải là một niệm hướng thiện, quyết chí sửa đổi lỗi lầm, thì mới có thể cảm ứng tương giao với Phật Bồ Tát. Nếu tâm họ căn bản vẫn là bất chính, chỉ niệm Phật, niệm Bồ Tát để mong được cứu thoát ra, sau khi thoát ra sẽ tiếp tục làm ác, thì nhất định là Phật Bồ Tát sẽ không thể có sự cảm ứng.

Bất luận người đã tạo tội nặng đến đâu, chỉ cần có một niệm quay đầu hối cải thì đó là điều cực kỳ tốt đẹp. Người xưa có câu: “Đứa con làm đường quay đầu lại là điều quý nhất.” Quả đúng như vậy. Người như vậy mới đích thật là người tốt, người nhất định có thể tin cậy, vì họ đã quay về từ cảnh giới xấu ác. Chúng ta nhất định phải hết sức giúp đỡ họ, hướng chỉ là chư Phật, Bồ Tát? Chính bởi ý nghĩa này mà những ai suốt đời tạo ác nghiệp, khi lâm chung chỉ cần một

niệm quay đầu thì cũng có thể vãng sinh về Tây phương Tịnh độ. Trong Vãng sanh truyện ghi lại rất nhiều trường hợp như vậy.

Mọi người đều biết, vào đời Đường có Trương Thiện Hòa làm nghề đồ tể, suốt đời giết trâu, tạo vô số ác nghiệp giết hại. Lúc lâm chung, ông thấy rất nhiều người đầu trâu đến đòi mạng, đó chính là cảnh giới địa ngục hiện ra. Nói chung, đối với người sắp chết, quý vị nên lưu ý rằng hiện tượng này rất phổ biến. Người sắp mất, trong cơn hôn mê thường nói với người nhà rằng họ thấy có người này người kia tìm đến, người ấy đang ở chỗ này chỗ kia... nói ra thì đều là những người đã chết. Nhưng có thật là có những người ấy đến không? Không chắc là như vậy. Quý vị xem kinh Địa Tạng thì sẽ biết. Trong kinh Địa Tạng dạy rằng, đó là những oan gia trái chủ trong quá khứ, giả làm thân quyến của quý vị, biến hóa thành hình dạng thân quyến của quý vị để đến gần bên cạnh quý vị. Vì sao vậy? Vì thấy thọ mạng của quý vị sắp hết nên họ tìm đến dẫn đi, họ tìm đến để báo thù. Những người đến quá nhiều, chưa từng thấy thực sự là thân quyến của quý vị, thực sự là bằng hữu của quý vị. Chưa từng thấy như vậy!

Đức Phật trong kinh Địa Tạng đã giảng rõ cho chúng ta biết điều này. Họ biến hóa thành hình dạng thân quyến thuộc để dụ dỗ, vì nếu hiện hình là kẻ thù thì quý vị nhìn thấy đã sợ hãi, làm sao chịu đi theo? Điều này chúng ta phải hiểu rõ.

Trường hợp của Trương Thiện Hòa khi ấy là chỉ một niệm duy nhất quay đầu, nhất tâm, đích thật là nhất tâm bất loạn, nhất tâm xưng niệm Phật A-di-đà. Niệm như vậy mười mấy câu thì không thấy người đầu trâu nữa, lại thấy Phật A-di-đà hiện ra, tiếp dẫn ông vãng sinh về Tây phương. Suốt đời ông chưa từng được nghe qua danh hiệu Phật, cũng chưa từng có ý niệm niệm Phật, ngày ngày đều chỉ làm việc giết hại, chỉ làm việc ác như vậy.

Lại có người suốt cả đời niệm Phật, lúc lâm chung bị một lúc buông lơi, liền không thể được vãng sinh. So với trường hợp của Trương Thiện Hòa, có phải là Phật A-di-đà thật quá bất công? Vậy thật ra thì Phật A-di-đà có công bằng hay không? Thật ra là hết sức công bằng.

Trong kinh nói: *“Một niệm tương ưng là một niệm Phật.”* Trương Thiện Hòa khi ấy có một niệm tương ưng, nên Phật liền hiện ra. Quý vị niệm Phật suốt một đời nhưng khi lâm chung xao lãng, không có niệm tương ưng. Chuyện không tương ưng như thế này tôi đã từng gặp. Khi tôi vừa mới xuất gia ở chùa Lâm Tế, Viên Sơn. Chùa Lâm Tế có một hội niệm Phật, là do tôi thành lập vào lúc mới xuất gia, nghe nói đến nay vẫn còn hoạt động. Khi ấy, lãnh đạo hội là một đồng tu người Phúc Châu tên Lâm Đạo Khái, lúc ấy cũng là Phó giám đốc Ngân hàng

Đài Loan, địa vị rất cao. Khi lâm chung, ông nghe tiếng niệm Phật lại sinh chán ghét. Mọi người đến trợ niệm đều bị ông xua đuổi. Ông nghe tiếng niệm Phật là chán ghét, không thể niệm được. Khi ấy, có lúc ông tỉnh táo còn nói với chúng tôi: “Chẳng biết làm sao được! Nghiệp chướng nặng nề quá!” Ông là người đề xướng lập hội niệm Phật, lãnh đạo mọi người đến niệm Phật, cuối cùng tự mình đến lúc lâm chung nghe danh hiệu Phật lại chán ghét khó chịu. Đó chính là nghiệp chướng, làm cho điên đảo.

Cho nên, chúng ta tu tích phước đức, tu suốt một đời thì đến lúc nào thụ hưởng? Chính là để mong cho lúc lâm chung được tâm không điên đảo, như vậy thì quý vị chắc chắn vắng sanh. Nếu phước báo tu tập được đã hưởng hết trong đời sống, thì đến khi lâm chung tâm sẽ điên đảo rối loạn, cả một đời tu thành ra sai lầm.

Chúng ta phải hiểu rõ điều này. Chúng ta tu phước nên nhường cho người khác hưởng, còn bản thân mình thì giữ gìn lại. Không chỉ là giữ gìn, thậm chí còn tăng trưởng, giống như đem phước báo của mình trao cho người khác để được sinh thêm lãi. Tương lai ta sẽ nhận được nhiều hơn so với những gì đã bỏ thí ra, ý nghĩa này cũng không có gì khó hiểu. Người hiểu rõ được ý nghĩa này thì làm phước nhưng không hưởng phước. Chư Phật, Bồ Tát, các bậc Tổ sư xưa nay đều là như vậy.

Quý vị thử xem như Lục Tổ Huệ Năng, cả đời tạo phước nhưng có lúc nào ngài hưởng phước?

Gần đây thì như lão hòa thượng Hư Vân, suốt đời tạo phước đều để cho người khác hưởng, bản thân ngài không hưởng phước. Đại sư Ấn Quang cũng vậy, cả đời tạo phước, cũng là để cho người khác hưởng, bản thân ngài không hề hưởng phước, suốt đời ăn uống đạm bạc. Hai vị đại pháp sư này nổi tiếng khắp thiên hạ, đệ tử tại gia quy y với các ngài nhiều đếm không xuể, cúng dường biết bao nhiêu là tiền tài. Quý vị xem trong các truyện ký ghi chép lại, bao nhiêu tiền bạc cúng dường, tự thân các ngài không dùng đến một đồng nào, toàn bộ đều chuyển sang mang đi bố thí, không giữ lại một phần nào để hưởng thụ, để may y phục tốt, để ăn món này món nọ, không hề có. Chúng ta nhìn vào hình ảnh của Lão hòa thượng Hư Vân, thấy tám y chỗ thì vá miếng lớn, chỗ thì vá miếng nhỏ, chắp vá đến mười mấy chỗ. Có khi nào nhìn trong hình thấy ngài mặc đồ mới lành lặn không? Chưa bao giờ. Tiền cúng dường nhiều như vậy, nếu ngài có may mấy bộ y phục mới thì ai dám trách ngài? Nhưng ngài không chịu như vậy, ngài tiếc giữ phước báo. Y phục này chắp vá cũng còn mặc được nhiều năm! Phải hiểu rằng đó là giữ gìn phước báo.

Tôi ở Đài Trung theo học với thầy Lý, thầy chỉ có một bộ y phục Trung Sơn, mặc hơn ba mươi năm. Sau khi tôi xa thầy chừng hai mươi năm, tôi nghe nói thầy vẫn còn mặc bộ đồ ấy, đến năm mươi năm, không hề có thêm bộ nào mới. Người khác biểu y phục, thầy tặng lại cho người khác, cúng dường người khác. Thầy dùng thu nhập của chính mình, sống hết sức giản dị, dư bao nhiêu đều làm từ thiện, không giữ lại đồng nào. Thầy là một người cư sĩ tại gia mà sống như thế!

Khi tôi xuất gia rồi trở về thăm thầy, thầy bảo tôi: “Nếu mỗi tháng ông tiêu quá một trăm năm mươi đồng thì không phải là người xuất gia.” Cho nên tôi bị thầy hạn chế, mỗi tháng chỉ được tiêu một trăm năm mươi đồng, bao gồm cả ăn uống, nếu vượt quá thầy sẽ mắng. Một trăm năm mươi đồng để duy trì cuộc sống tối thiểu, mỗi ngày chỉ ăn ba đồng. Vậy mà tôi không bằng thầy, thầy mỗi ngày chỉ ăn hai đồng, chi phí sinh hoạt mỗi tháng của thầy chỉ sáu mươi đồng. Tôi không thể nào theo kịp thầy, thầy ăn rất ít. Khi ấy ba đồng mua được ba cái bánh bao, ước chừng như vậy. Thầy ăn mỗi ngày một bữa, một cái bánh bao là no. Tôi phải ăn hai cái, gấp đôi thầy, không thể khác hơn, so ra không bằng thầy, công phu thật không bằng thầy. Thầy năm nay chín mươi sáu tuổi, vẫn ăn ngày một bữa, vẫn đang giảng kinh thuyết pháp, tinh thần sung mãn. Các bạn học ở Đài Trung hỏi tôi: Thầy còn trụ thế bao nhiêu năm? Tôi ước tính, ít nhất còn ba mươi năm nữa. Vì thầy đã nói: “Thầy sẽ giảng xong Kinh Hoa Nghiêm”, tôi ước tính thời gian thầy giảng Kinh Hoa Nghiêm, phải ba mươi năm mới giảng xong. Do vậy, điều này cũng ngụ ý nhắc nhở chúng ta rằng Đài Loan ít nhất còn được ba mươi năm ổn định, còn được ba mươi năm quý báu tốt đẹp, chúng ta nhất định phải thành tựu, nếu không thì thật đáng tiếc. Người thực sự biết dụng công thì ba năm, năm năm đã có thành tựu; ba mươi năm thì nhất định sẽ thành tựu, chỉ sợ tự mình không chịu nỗ lực mà thôi.

Vì vậy, nguyên tắc của sự cứu giúp là [người được cứu giúp phải] thực sự quay đầu, thực sự sám hối, thực sự cải tà quy chính. Những người như vậy thật rất vô cùng hiếm gặp, nên dù họ phạm tội tày trời cũng có thể tha thứ. Chúng ta cũng nên giúp đỡ họ. Bồ Tát Quán Thế Âm cứu giúp những người gặp nạn, đều là những người thực sự quay đầu, sau khi được Bồ Tát cứu độ, về sau sẽ không bao giờ làm việc ác đó nữa. Quý vị có thể xem [những điều này] trong sách Cấm Ứng Thiên.

Tiếp theo lại dẫn một đoạn trong kinh Lăng Nghiêm để giải thích:

“Thứ bảy là, tánh âm thanh hoàn toàn tiêu mất”, ở dòng thứ năm từ bên trái sang, “quán cái nghe quay về tự tánh là các vọng trần, nên khiến chúng sanh gông cùm xiềng xích không thể trôi được”.

Đây là kinh văn trong kinh Lăng Nghiêm. Trong kinh văn cũng giải thích nguyên do Bồ Tát có được năng lực này. Năng lực này do đâu mà có? Vẫn là từ việc “xoay tánh nghe vào nghe tự tánh”, vẫn là từ trong sự thấy tánh mà phát sinh.

“Tánh âm thanh hoàn toàn tiêu mất”, âm thanh là hai gút động và tĩnh, như đã nói trước đây về sáu gút. Hai tánh động và tĩnh đều tiêu mất, tức là như trước đây đã nói: “Hai tướng động tĩnh đều không còn sinh ra”, cho nên gọi là “hoàn toàn tiêu mất”, hoàn toàn tiêu mất nghĩa là tiêu trừ hết, tiêu trừ trọn vẹn. Lúc này “quán cái nghe quay về”, quán là quán chiếu, quán chiếu khả năng nghe của tánh nghe. Đây chính là công phu tu học của Bồ Tát Quán Thế Âm, “xoay cái nghe vào nghe tự tánh”. Tự tánh là duy nhất, duy nhất chính là chân thật, quyết định không hư vọng.

Như trước đây đã nói: “Một căn quay về nguồn, sáu căn đều giải thoát”, có thể thấy không chỉ tánh âm thanh hoàn toàn tiêu mất, mà hình sắc, mùi hương, vị nếm, xúc chạm, pháp trần, không một trần cảnh nào là không hoàn toàn tiêu mất. Cho nên nói là “lìa các vọng trần”. Trần ở đây chỉ cả sáu trần, sáu trần đều là hư vọng. Bồ Tát dùng năng lực như vậy mới có thể gia trì cho tất cả chúng sinh khổ nạn.

“Gông cùm” giam cầm, là giam nhốt trong ngục tù; “xiềng xích” là nói chung dùng dây trói buộc. Các loại gông cùm xiềng xích, những hình cụ này “không thể trói buộc”. “Vọng trần đã lìa thì thân tướng không có, nên gông cùm tự rơi rụng”, ý nghĩa những đoạn trước đã hiểu thì chỗ này nhìn qua là hiểu.

Tiếp theo là một đoạn vấn đáp, đại ý giống như tôi vừa nói, quý vị xem qua cũng có thể hiểu.

Sau đó còn có một công án, được ghi chép trong truyện ký. Hiện trong sách Linh cảm lục cũng có. Tình huống này, ở đây nói là “xưng danh không gián đoạn”. Câu này rất quan trọng. Không gián đoạn, tuy không hẳn đạt được nhất tâm, nhưng là công phu thành phỉ. Người ấy niệm liên tục, không có vọng niệm xen tạp, cho nên có thể cảm ứng, cảm ứng Bồ Tát Quán Thế Âm phóng hào quang, dẫn dắt ông ấy thoát khỏi gông cùm, có thể thoát được tai nạn ấy.

Tiếp theo xem đoạn thứ bảy “thoát nạn giặc cướp”. Kinh văn nói:

“Nếu trong thế giới đại thiên đây bốn giặc cướp, có một thương chủ”, thương chủ là lãnh tụ trong giới thương nghiệp, lãnh đạo giới thương nhân, ngày nay chúng ta gọi là doanh nhân; “dẫn các thương nhân, mang nhiều hàng hóa quý báu đi qua đường hiểm”. Vị thương chủ này dẫn một đoàn thương nhân,

những người này mang theo rất nhiều châu báu, đi qua con đường nguy hiểm. “Một người trong số ấy nói rằng: ‘Này các vị, xin đừng lo sợ, chúng ta nên một lòng xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm. Vị Bồ Tát này thường mang an ổn đến cho chúng sanh, nếu ta xưng danh hiệu ngài sẽ được thoát nạn giặc cướp.’ Các thương nhân nghe vậy cùng nhau niệm lớn: ‘Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát.’ Nhờ niệm danh hiệu nên liền thoát nạn.”

Chúng ta xem qua phần chú giải dành cho đoạn này. “Thế giới đại thiên”, đây là nói chung, trong thế giới không nhất định ở nơi nào, quý vị gặp phải những oan gia. “Đầy bọn giặc cướp”, đây là loại cướp bóc. Quý vị gặp kẻ cướp, kẻ cướp với quý vị đời trước cũng có quan hệ nhân quả. Nếu không, tại sao chúng không cướp người khác, chỉ cướp quý vị? Nếu như khi cướp, chúng cướp của người khác nhưng không giết, còn cướp của quý vị lại hại mạng quý vị, như vậy đều có quan hệ nhân quả. Nợ tiền phải trả tiền, nợ mạng phải trả mạng.

Quý vị nên biết rằng, con người ở đời, nói rằng ai đó chiếm phần lợi ích của người khác, không có chuyện đó, tuyệt đối không thể. Đời này tôi chiếm lợi ích của anh, đời sau phải trả lại. Nếu tôi lừa gạt mà có, đời sau tài vật của tôi sẽ bị anh ta lừa gạt lấy lại. Nếu tôi cướp đoạt, đời sau anh ta sẽ cướp lại của tôi; tôi hại anh ta, giết chết anh ta, đời sau tôi sẽ bị anh ta giết. Một miếng ăn, một ngụm nước đều có nguyên nhân định trước, chúng ta phải tin vào điều này.

Trong kinh Phật không bác bỏ việc ăn thịt; kinh Phật chỉ dạy chúng ta nên ăn ba loại tịnh nhục, không bảo chúng ta ăn chay. Nhưng trong kinh Đại thừa, như kinh Lăng Già có nói, Bồ Tát tâm địa từ bi, không nên ăn thịt chúng sinh. Nhưng xét về nhân quả, ăn nửa cân phải trả tám lạng, tương lai phải trả nợ. Bây giờ ăn thịt rất thích thú, nhưng đến lúc trả nợ thì phiền phức vô cùng, thật khổ sở không thể nói hết. Có mấy ai khi ăn mà nghĩ đến hậu quả? Hậu quả là phải trả nợ. Vậy thì thử nghĩ xem, đời đời kiếp kiếp đã ăn không biết bao nhiêu thịt chúng sinh. Đời trước thì đã không nhớ nổi, chỉ nghĩ trong đời này, từ nhỏ đến giờ đã ăn bao nhiêu, vậy món nợ này tương lai phải trả thế nào? Thật là hết sức phiền phức! Nhưng có một cách, nếu quý vị tu hành chứng quả, vãng sinh Tây phương, thì tất cả xem như đều trả xong. Những chúng sanh quý vị vay nợ đó đều được có phúc, họ đã cúng dường quý vị, họ làm tín chủ của quý vị, công đức quý vị tu tập thành tựu họ cũng được nhờ, nên họ sẽ không đòi nợ quý vị, mà sẽ cầu quý vị cứu độ. Do vậy, một khi quý vị thành tựu, những oan gia trái chủ đó đều sẽ đến cầu quý vị cứu độ.

Quý vị xem trong Ảnh trần hồi ức lục, Đại sư Đàm Hư trước khi xuất gia có một người bạn là cư sĩ Lưu, tám năm chuyên đọc kinh Lăng Nghiêm, tâm địa

chân thành, đạt được chút thành tựu. Trong truyện ký chép rằng, lúc đó ông cùng ba người bạn hợp tác mở tiệm thuốc Bắc. Vào buổi trưa, lúc vắng khách ít việc, mấy người đều đang nghỉ ngơi. Ông Lưu ngồi yên, gần như rơi vào giấc ngủ chập chờn, chợt thấy có hai người bước vào. Hai người này là ai? Là oan gia, trước đây có chút tranh chấp tài chính với ông Lưu. Họ kiện nhau, kết quả ông Lưu thắng kiện, hai người kia thua. Thua rồi tức giận, treo cổ tự tử. Ông cũng rất áy náy, nhưng rốt cuộc ông có lý, đối phương vô lý. Nhưng đối phương vì việc này mà tự tử. Nay thấy hai người đó đến, biết là oan gia, ông đoán là đến quấy nhiễu. Nhưng thấy dáng vẻ của họ thì không giống như muốn quấy nhiễu, dáng vẻ rất hiền hòa. Hai người ấy đến trước mặt ông Lưu, quỳ xuống. Ông hỏi: “Có việc gì? Hai người đến tìm tôi có việc gì? Họ nói: “Cầu siêu độ.” Lúc đó ông mới yên tâm, họ không phải đến báo thù, mà đến cầu siêu. Ông nghĩ thầm: “Cầu siêu độ, được thôi! Nhưng siêu độ bằng cách nào?” Họ nói: “Chỉ cần ông đồng ý một tiếng là được.” Ông liền nói: “Dễ thôi, tôi đồng ý.” Liền đó ông thấy hai con ma từ dưới đất bước lên đầu gối, lên vai ông, rồi bay lên trời. Quý vị thấy đó, việc siêu độ thật dễ dàng biết bao. Hai con ma đó đi rồi, ông lại thấy người vợ cũ đã qua đời, còn bế theo một đứa bé, đều là người đã chết từ lâu. Hai hồn ma lại hiện ra, đến trước mặt quỳ xuống, cũng xin siêu độ, ông gật đầu đồng ý. Cũng bằng cách đó, họ bước lên vai ông bay lên trời, ông nhìn thấy họ đi. Sau khi việc qua rồi, ông quay sang hỏi những người bạn bên cạnh: “Các anh có thấy gì không?”

Nếu quý vị tự mình thực sự có công phu, muốn siêu độ tất cả ma quỷ chỉ cần gật đầu, đồng ý một tiếng là siêu độ được, cần gì phải làm Phật sự cả nửa ngày. Không cần, chân thành ắt được linh nghiệm! Vì vậy, siêu độ cần sự chí thành cảm thông, tự mình phải thực sự có đạo tâm. Ông Lưu chuyên tâm một môn thâm nhập, tám năm chuyên tâm đọc kinh Lăng Nghiêm. Nếu trong thời gian tám năm đó ông đọc mười, hai mươi, ba mươi bộ kinh thì ma quỷ không đến cầu ông. Tại sao? Vì ông không có năng lực đó, tìm ông cũng vô ích, không giúp được gì. Ma quỷ đến tìm ông vì sao? Vì ông có năng lực, có thể giúp họ. Họ đến cầu ông ắt có lợi ích, có thể giúp được. Vì vậy, việc gì cũng phải chuyên tâm, phải tinh luyện, tâm mới chuyên nhất. Nhất tâm có năng lực vô cùng, mới siêu độ được quỷ thần. Người tu hành ngày nay không hiểu đạo lý này, tham học nhiều, tâm họ đều tán loạn. Quỷ thần không tìm quý vị, tại sao? Vì tìm quý vị vô ích, chỉ tốn công vô ích. Khi nào họ đến tìm? Chỉ lúc quý vị gặp vận rủi, họ mới thừa cơ đến đòi nợ, báo thù.

Đây chính là “gặp phải giặc cướp”, chỗ này chú giải nói “Trong nước rộng lớn nhiều giặc cướp, sức của bậc thánh đều có thể cứu giúp, đó là làm rõ công

phu thần lực dã tốt bậc”. Kinh nói “oán tặc”, oán là đoạt mạng, tặc là cướp của, đây là ý nghĩa hai chữ “oán tặc”. Oán là gì? Là tìm đến báo oán, đòi mạng. Tặc là gì? Là đến đòi nợ, cướp đoạt tài vật. Nếu vừa là oán vừa là tặc, thì khi gặp phải, cả tài sản và mạng sống đều không giữ được. “Đầy khắp như thế còn có thể cứu giúp hết, huống chi là chỉ có ít”, Bồ Tát Quán Thế Âm có năng lực lớn như vậy, dù “trong thế giới đại thiên đầy bọn giặc cướp” Ngài cũng có thể cứu giúp, quý vị chỉ gặp một vài tên giặc cướp, niệm Bồ Tát Quán Thế Âm thì chắc chắn không thành vấn đề, năng lực của Bồ Tát Quán Thế Âm thừa sức cứu giúp, chúng ta có thể yên tâm.

“Có một thương chủ” là nói về người gặp nạn. Phần dưới có giải thích ý nghĩa chữ “thương”, quý vị xem qua là hiểu. Quan trọng là chữ “chủ”. Người này là chủ của những thương nhân, lãnh tụ của thương nhân, người lãnh đạo thương nhân. Nhóm người này mang theo châu báu quý giá. Ngày xưa đi đường không an toàn như bây giờ. Xe thời xưa cao cấp nhất là xe ngựa, tốc độ cũng không nhanh. Thông thường là xe đẩy, xe kéo, một ngày chỉ đi được mấy chục dặm mà thôi. Đường thủy thì dùng thuyền buồm, đi bằng sức gió. Vì vậy, trên sông hồ có rất nhiều giặc cướp, rất thường gặp, gọi là giang hồ nguy hiểm. “Giang hồ nguy hiểm” là ý nói trên sông hồ có nhiều kẻ xấu, có giặc cướp, giặc loạn, những kẻ cướp bóc, người đi đường không ai không sợ. Trong tình huống này, biện pháp duy nhất thực sự có thể cứu giúp chính là nhất tâm xưng niệm Bồ Tát Quán Thế Âm. Bồ Tát dùng sức oai thần gia hộ bảo vệ, giúp chúng ta thoát khỏi tai nạn cướp bóc.

Đoạn này, đại sư cũng dẫn một đoạn kinh văn từ Kinh Lăng Nghiêm, ở trang 817, dòng thứ hai:

Kinh nói: “*Thứ tám là diệt hết âm thanh tánh nghe tròn khắp, sinh ra sức từ mãn khắp nơi*”, đây là nguồn gốc sức mạnh của Bồ Tát, “*nên khiến chúng sanh đi qua đường hiểm giặc không thể cướp.*”

Tiếp theo có một giải thích đơn giản: “Vì âm thanh và cái nghe đồng thời thiết lập”, khi thiết lập rồi thì trở thành đối nghịch nhau, “ta và sự vật thành đối nghịch; dứt trừ âm thanh, tánh nghe viên mãn” thì trong ngoài không còn đối đãi, trong ngoài hợp thành một thể, không có đối nghịch, nên có thể “sinh ra sức từ mãn khắp nơi” mà khuất phục kẻ địch. Ý nghĩa này so Nho gia nói “người nhân từ không có kẻ thù” là tương đồng. Người nhân từ trong lòng không có oán địch. Nếu còn có oán hận, có kẻ thù, có sự đối địch, thì đó chưa phải là nhân từ. Có thể thấy trong văn hóa cổ xưa của Trung Hoa, cảnh giới của chữ “nhân” cao siêu biết bao, không hề thua kém trong Phật pháp. Ở trong tất cả hoàn cảnh vật chất và

nhân sự mà chúng ta còn có sự đối lập, thì làm sao có tâm từ bi? Sao có thể gọi là một người nhân từ? Trong Phật pháp giảng về đại từ đại bi không có oán địch, gặp kẻ oán địch kia cũng xem như người một nhà, oán kết tự nhiên tiêu tan. Đây là điều chúng ta nên tu học.

Phần tiếp theo dẫn ra một công án. Những công án như vậy có rất nhiều trong truyện cảm ứng. Đây là dẫn chuyện thời Tấn, trong khoảng niên hiệu Long An, “có một vị tăng là Tuệ Đạt, đi lên phía bắc đất Lũng để đào cam thảo, bị người Khương bắt được”. Người Khương là tộc người ở Tây Vực, không phải người Trung Quốc, là người ngoại quốc, đương nhiên đây là ở vùng biên cương, bị kẻ địch bắt giữ. “Nhốt trong một vùng có rào gỗ vây quanh”, giam giữ trong hàng rào bằng gỗ, giống như cái lồng, nhốt kín ở bên trong. “Nhiều người bị nhốt, họ chọn người mập mập ăn trước”, những người Khương này man rợ, ăn thịt người, ai mập mập thì họ đem đi ăn trước. “Những người khác dần bị ăn hết”, cứ xem theo đoạn văn này thì Tuệ Đạt có lẽ người gầy lại nhỏ, nên không bị ăn trước, nhất định là rất gầy ốm. Những người bị nhốt đều bị ăn hết, sắp đến lượt ông. “Chỉ còn Đạt với một đứa trẻ”, hôm sau thì đến lượt, sẽ đem họ đi giết để ăn. Lúc này Tuệ Đạt “suốt đêm xưng danh”, là không còn cách nào khác, chỉ một lòng xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, niệm suốt đêm đến sáng hôm sau. Hôm sau, người Khương đến bắt để ăn, đem hai người họ đi. “Bỗng có một con hổ nhảy lên gầm thét”, lúc đó đột nhiên có một con hổ, vừa gầm vừa nhảy đến chỗ đó, khiến những người Khương sợ hãi bỏ chạy. “Hổ cắn gầm rào gỗ, moi thành một cái lỗ rồi bỏ đi”, nhờ hổ moi thành lỗ, họ có thể chui qua lỗ đó chạy thoát. “Đạt dẫn đứa trẻ chạy trốn”, Huệ Đạt dẫn đứa trẻ như vậy chạy thoát. Sự việc là như thế.

Pháp sư Viên Anh trong sách Giảng Nghĩa còn có một công án khác, cũng là chuyện thời Tấn. Có một người tên Đỗ Truyền, trong lúc chiến tranh bị bắt, bị kẻ địch bắt giữ, giam trong ngục. Giam trong ngục, chờ đợi bị chém đầu, xử tử. Lúc này trong doanh trại gặp một vị xuất gia, vị xuất gia này trước kia quen biết với ông, ông liền cầu cứu vị pháp sư. Vị pháp sư nói với ông: “Ông hiện bị bắt, tôi cũng không có khả năng cứu.” Ông lại cầu xin, vị ấy bèn bảo ông: “Ông hãy thành tâm thành ý, một lòng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, nhất định có cảm ứng.” Thế là ông liền thâm niệm, thâm niệm suốt ba ngày ba đêm, hình cụ trên người ông đột nhiên tự rơi xuống, nhân cơ hội đó ông bỏ trốn. Không chỉ ông chạy thoát, lúc đó còn có không ít bạn tù thấy ông niệm Phật thành tâm như vậy, ông liền bảo mọi người cùng niệm, nên cả nhóm người đó đều thoát khỏi tai

nạn. Sau đó về đến quê hương, ông đem chuyện này kể cho thân tộc bằng hữu, hương đảng lân lý, cả làng của ông đều lễ bái Bồ Tát Quán Thế Âm.

Những chuyện cảm ứng như vậy rất nhiều. Chúng ta nhất định phải hiểu vì sao lại có cảm ứng. Nếu thật sự hiểu ý nghĩa này thì đối với những sự tích linh nghiệm trong tất cả tôn giáo, chúng ta đều hiểu được. Đó không phải mê tín, mà là sự thật.

Ngoài Phật pháp ra, trong rất nhiều tôn giáo đều có những sự linh nghiệm không thể nghĩ bàn, đều là sự thật. Trước đây tôi từng dạy học cho đạo Thiên Chúa, tôi đã dạy các linh mục, nữ tu của họ. Lúc đó là lúc Giám mục Vu Bân còn sống, họ tổ chức một viện nghiên cứu, ở phía sau Đại học Phụ Nhân, tu viện Đa Mã Tư, lúc đó cũng có không ít học sinh đến dự thính. Tôi đã dạy ở đó một học kỳ, lúc đó họ hy vọng tôi dạy hai năm, dạy cho lớp đó đến khi tốt nghiệp. Nhưng vì tôi ra nước ngoài giảng kinh, nên sau khi dạy một học kỳ, tôi không dạy nữa. Tôi liền nói với họ, tôi tiếp xúc tôn giáo sớm nhất là Cơ Đốc giáo, sau đó là Hồi giáo, tôi đều dùng tâm nghiên cứu, nhưng dù nghiên cứu tôi không tin. Sau này tôi nói tôi học Phật, tôi tin rồi. Tôi nói nếu nói là tín đồ Cơ Đốc, thì tôi mới là tín đồ Cơ Đốc chân chính, vì sao? Tôi thật sự tin. Các vị là giả, không phải thật, vì các vị đối với Chúa bán tín bán nghi, còn tôi thì chân tín. Tôi nói tôi giảng kinh ở chỗ các vị, nếu các vị bảo tôi giảng kinh Phật, thì không có ý nghĩa, nếu mời tôi đến giảng kinh điển của các vị, thì các vị mới thật được lợi ích lớn. Đó là thật, không chút giả dối.

Cho nên, chỉ cần có thể chuyên tâm, nhất tâm, thì mới có thể làm rõ thấu suốt chân tướng của vũ trụ nhân sinh, mới có thể giao thông qua lại với chư Phật Bồ Tát, quỷ thần trong mười pháp giới, mới có thể đạt được chân tướng. Ở trong đó được đại tự tại, tất cả tai nạn đều có thể miễn trừ. Quý vị hỏi vì sao miễn trừ? Trong tâm thanh tịnh không có ác niệm, không có vọng tưởng, không có tâm giết hại thì tất cả tai nạn đều tiêu trừ, ý nghĩa là ở chỗ này. Trong tâm của mình, trong mắt nhìn của mình, không chỉ có chư Phật Bồ Tát là thiện tri thức, ngay cả những ác quỷ, ác thần, ma quỷ kia cũng đều là thiện tri thức, cũng đều là bạn tốt nhất, có thể qua lại. Thú dữ, rắn độc cũng có thể thân cận, tuyệt đối không có lý gì lại gây tổn hại, đây là thành tựu từ sự tu đức của chính mình.

Được rồi, hôm nay chúng ta giảng đến đây thôi.